

UNIT 2:**LIFE IN THE COUNTRYSIDE****SKILLS 1****I/ NEW WORDS:**

- nomad	(n) : dân du mục
- normal	(adj): thông thường
- pasture	(n) : đồng cỏ
- grassland	(n) : đồng cỏ
- dairy product	(n) : sản phẩm làm từ sữa
- ger	(n) : lều của dân du mục
- circular	(adj): tròn
- goat	(n) : con dê
- lifestyle	(n) : cách sống
- Mongolia	(n) : nước Mông Cổ
- Mongolian	(adj): t.về nước m.cổ
- household chore	(n) : việc vặt trong gia đình
- permanently	(adv): mãi mãi